

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Phần chương trình dạy học)

(Ban hành kèm quyết định 682 /QĐ-ĐHGTVT ngày 25 tháng 09 năm 2020 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh)

I. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH

1. Giới thiệu chung

Tên ngành chương trình (Chuyên ngành)	Quản trị Logistics và Vận Tải Đa Phương Thức Logistics and Multimodal transport Management
Ngành đào tạo	Logistics và Chuỗi cung ứng Logistics and Supply chain
Mã ngành	7510605
Trình độ đào tạo	Đại học
Thời gian đào tạo	4 năm
Tổng số tín chỉ	123 tín chỉ <i>(Không bao gồm: Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Giáo dục thể chất, kiến thức bổ trợ khác)</i>

2. Mục tiêu đào tạo

2.1 Mục tiêu chung

- Đào tạo nguồn nhân lực có tính cạnh tranh cao trên thị trường lao động nhằm đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

- Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị logistics và vận tải đa phương thức được xây dựng và triển khai nhằm mục tiêu đào tạo cử nhân ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng có phẩm chất chính trị vững vàng, có ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp; nắm vững kiến thức cơ bản và chuyên sâu về chuyên ngành Quản trị logistics và vận tải đa phương thức, đáp ứng các yêu cầu về nghiên cứu phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực chuyên ngành.

- Sinh viên được cung cấp kiến thức cơ bản về lĩnh vực quản trị logistics và vận tải đa phương thức, kiến thức chuyên sâu ngành logistics và quản trị chuỗi cung ứng, khả năng xây dựng mô hình và áp dụng các nguyên tắc của chuyên ngành vào thực tiễn. Có khả năng tham mưu tư vấn và có khả năng tổ chức thực hiện nhiệm vụ của một cử nhân trong lĩnh vực quản trị logistics và vận tải đa phương thức.

2.2 Mục tiêu cụ thể

2.2.1 Về kiến thức

- Chương trình đào tạo đại học ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng – Chuyên ngành Quản trị logistics và vận tải đa phương thức trình độ đại học có mục tiêu đào tạo ra những kỹ sư cho các lĩnh vực liên quan đến Quản trị logistics và vận tải đa phương thức, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của người học; tạo môi trường giảng dạy, học tập, nghiên cứu tích cực; phù hợp với nhu cầu của xã hội và đáp ứng tiêu chuẩn nhân lực quốc tế.

- Trang bị cho người học những kiến thức nền tảng cơ bản để phát triển toàn diện; có khả năng áp dụng những nguyên lý kinh tế và quản trị cơ bản, kỹ năng thực hành cao và các kỹ năng chuyên môn để tham gia quản lý, điều hành, thực hành nghiệp vụ chuyên môn và xây dựng kế hoạch, định hướng phát triển doanh nghiệp theo từng thời kỳ.

2.2.2 Về kỹ năng

- Trang bị cho người học tư duy sáng tạo và khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, có thể thích ứng với sự thay đổi và phát triển của khoa học công nghệ trong lĩnh vực ngành nói chung và chuyên ngành nói riêng;

2.2.3 Về thái độ

- Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, tư cách và sức khỏe tốt, nắm vững và thực hiện tốt đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đúng với định hướng của Đảng, Chính phủ trong chiến lược phát triển ngành và phù hợp với Quy hoạch đào tạo Nguồn nhân lực ngành Giao thông vận tải; từng bước hội nhập với giáo dục đại học khu vực và quốc tế..

- Có tính thần học tập, không ngừng trau dồi kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp;

- Có ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp và trách nhiệm với cộng đồng.

2.3 Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

- Có thể công tác tại các doanh nghiệp làm dịch vụ logistics, doanh nghiệp làm dịch vụ vận tải đa phương thức nói riêng và các doanh nghiệp dịch vụ vận tải, giao nhận nói chung.

- Các phòng ban nghiệp vụ phù hợp chuyên môn gồm: kế hoạch, khai thác, marketing, dịch vụ khách hàng, kinh doanh quốc tế, kho vận, cung ứng vật tư, kế toán, phân phối...

- Có thể đảm nhiệm chức danh quản lý các cấp tại các doanh nghiệp và tổ chức liên quan đến logistics và vận tải.

- Có khả năng giảng dạy các môn học chuyên môn ở các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, dạy nghề có mở chuyên ngành liên quan.

- Có thể tham gia vào thị trường lao động quốc tế trong lĩnh vực liên quan đến chuyên môn.

- Tiếp tục học tập nâng cao trình độ các bậc học sau đại học ở các lĩnh vực tổ chức và quản trị logistics và vận tải đa phương thức cũng như lĩnh vực quản trị kinh doanh trong nước và quốc tế.

II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

2.1 Kiến thức:

2.1.1 Kiến thức giáo dục đại cương:

An ninh quốc phòng: Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng, có tác phong quân sự, có tinh thần sẵn sàng phục vụ trong các lực lượng vũ trang để bảo vệ Tổ quốc.

Chính trị: Có hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh; có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chương trình đào tạo.

Khoa học cơ bản: Có kiến thức cơ bản về toán học và khoa học tự nhiên; Có khả năng vận dụng vào việc tiếp cận khai thác các thông tin và kiến thức mới; Có khả năng sử dụng khoa học cơ bản vào nghiên cứu và phát triển học thuật.

2.1.2 Kiến thức cơ sở ngành:

Có kiến thức cơ bản về quản lý kinh tế như kinh tế vĩ mô, vi mô, tài chính-tiền tệ, pháp luật kinh tế, nguyên lý thống kê.

Có kiến thức cơ sở chuyên ngành quản trị logistics và vận tải đa phương thức bao gồm: hàng hóa, địa lý vận tải, thương mại điện tử, hệ thống thông tin logistics.

2.1.3 Kiến thức ngành, chuyên ngành:

Nắm vững kiến thức về các yếu tố thị trường dịch vụ logistics và vận tải, đặc điểm sản xuất kinh doanh cũng như các chỉ tiêu khai thác và hiệu quả kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ;

Nắm vững kiến thức về những vấn đề chung của quản trị logistics, hoạt động vận tải, quản trị vận tải đa phương thức;

Nắm vững kiến thức về quản trị chuỗi cung ứng, dòng luân chuyển chứng từ trong dịch vụ logistics và vận tải;

Nắm vững những kiến thức cơ bản liên quan đến chế độ pháp lý vận tải, những nguyên tắc cơ bản về hoạt động dịch vụ. Cơ sở pháp lý về hợp đồng, khiếu nại, bảo hiểm liên quan đến hoạt động dịch vụ;

Nắm được những kiến thức cơ bản về bảo hiểm: Bảo hiểm vận tải, Bảo hiểm hàng hóa, Bảo hiểm P&I.

Có khả năng tổ chức khai thác, kinh doanh, và quản lý trong lĩnh vực Logistics và vận tải đa phương thức.

Có khả năng thiết kế mạng lưới Logistics và xây dựng chuỗi cung ứng, dự báo nhu cầu khách hàng, phân tích và lập kế hoạch Logistics cho các doanh nghiệp kinh doanh và sản xuất.

2.2 Kỹ năng:

2.2.1 Kỹ năng chuyên môn:

Có khả năng áp dụng các kiến thức khoa học, kỹ thuật và công nghệ.

Có khả năng thực hiện các nghiệp vụ trong chuỗi hoạt động logistics và vận tải đa phương thức.

Có năng lực tham gia lập kế hoạch, tổ chức, điều hành, và đánh giá hoạt động logistics và vận tải đa phương thức.

Có kỹ năng đàm phán, xử lý tình huống và giải quyết xung đột trong kinh doanh.

Có kiến thức cần thiết và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động logistics và vận tải đa phương thức.

Có khả năng tư duy, phân tích, tham gia thiết kế, vận hành, quản lý và cải tiến các hệ thống hoặc các quy trình liên quan đến logistics và vận tải đa phương thức phục vụ cho hoạt động sản xuất và kinh doanh.

2.2.2 Kỹ năng mềm:

Có khả năng thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu.

Có kỹ năng giao tiếp, soạn thảo văn bản, thuyết trình và làm việc nhóm.

Có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh và khuyến khích sử dụng được 1 số ngoại ngữ khác.

Kỹ năng giao tiếp hiệu quả thông qua viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán, làm chủ tình huống, sử dụng hiệu quả các công cụ và phương tiện hiện đại.

Có khả năng tự học, tự nghiên cứu qua sách vở, tài liệu, biết khai thác và sử dụng tốt các nguồn tài nguyên thông tin, nắm vững và vận dụng tốt các phương pháp nghiên cứu khoa học.

Có khả năng làm việc độc lập và làm việc trong các nhóm đa ngành, đa lĩnh vực và đa văn hóa.

Biết vận dụng các phương pháp phù hợp để khuyến khích và động viên đồng nghiệp; Biết duy trì và phát triển nhóm, phát triển cá nhân trong phạm vi nhóm.

2.3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức trách nhiệm công dân, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp, có khả năng làm việc nhóm, làm việc độc lập và khả năng tự học.

Có phương pháp làm việc khoa học, tư duy sáng tạo; biết phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh; biết tổng hợp, đánh giá và đúc kết kinh nghiệm.

Có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; rút ra những nguyên tắc, quy luật trong quá trình giải quyết công việc; đưa ra được những sáng kiến có giá trị; có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế; có năng lực đưa ra được những đề xuất với luận cứ khoa học và thực tiễn.

Có tinh thần làm việc vì doanh nghiệp; vì cộng đồng và xã hội.

III. CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT

Định hướng chương trình khung của trường như sau:

1. Kiến thức khoa học cơ bản: 41 tín chỉ

- Bắt buộc: 41 tín chỉ
- Tự chọn: 0 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	<i>Toán và Khoa học tự nhiên</i>		10	
	Bắt buộc			
1.1	001201	Đại số	2 (1/1/0)	
1.2	001202	Giải tích 1	3 (2/1/0)	
1.3	001212	Xác suất thống kê	3 (2/1/0)	
1.4	001211	Toán kinh tế	2 (1/1/0)	
2	<i>Pháp luật và Khoa học xã hội</i>		13	
2.1	005004	Pháp luật đại cương	2 (2/0/0)	
2.2	005105	Triết học Mác - Lênin	3 (3/0/0)	
2.3	005106	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2 (2/0/0)	
2.4	005107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2 (2/0/0)	
2.5	005108	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2 (2/0/0)	
2.6	005102	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2/0/0)	
3	Tiếng Anh		14	
3.1	006015	Tiếng Anh 5	4 (4/0/0)	
3.2	006016	Tiếng Anh 6	4 (4/0/0)	
3.3	006413	Anh Văn chuyên ngành 1	3 (2/1/0)	
3.4	006414	Anh Văn chuyên ngành 2	3 (2/1/0)	
4	124012	Tin học cơ bản	2 (1/1/0)	
5	<i>Kỹ năng mềm</i>		2	
5.1	022014	Kỹ năng mềm 1	1 (0.5/0.5/0)	
5.2	022015	Kỹ năng mềm 2	1 (0.5/0.5/0)	

2. Kiến thức chung của nhóm ngành và chuyên ngành: 27 tín chỉ

- Bắt buộc: 27 tín chỉ
- Tự chọn: 0 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	<i>Kiến thức chung của nhóm ngành</i>		16	
1.1	414022	Kinh tế vi mô	3 (3/0/0)	
1.2	414023	Kinh tế vĩ mô	3 (3/0/0)	
1.3	413004	Tài chính - Tiền tệ	2 (2/0/0)	
1.4	412005	Lý thuyết dự báo kinh tế	2 (2/0/0)	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1.5	411002	Luật kinh tế	2 (2/0/0)	
1.6	414005	Nguyên lý thống kê	2 (2/0/0)	
1.7	413005	Nguyên lý kế toán	2 (2/0/0)	
2	<i>Kiến thức chung của ngành</i>		11	
2.1	412018	Địa lý vận tải	2 (2/0/0)	
2.2	412019	Hàng hóa	2 (2/0/0)	
2.3	416002	Thương mại điện tử	2 (2/0/0)	
2.4	416013	Hệ thống thông tin logistics	2 (2/0/0)	
2.5	416019	Luật vận tải	3 (3/0/0)	

3. Kiến thức chuyên ngành: 44 tín chỉ

- Bắt buộc: 36 tín chỉ
- Tự chọn: 8 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
<i>Kiến thức chuyên ngành chuyên sâu (bắt buộc): 36 TC</i>				
3.1	414021	Kinh tế vận tải & Logistics	3 (3/0/0)	...
3.2	416003	Quản trị logistics	3 (3/0/0)	
3.3	412020	Tổ chức khai thác ga, cảng	2 (2/0/0)	
3.4	416005	Quản trị chuỗi cung ứng	3 (3/0/0)	
3.5	416006	TKMH Quản trị chuỗi cung ứng	1 (0/0/1)	
3.6	412014	Khai thác vận tải	2 (2/0/0)	
3.7	416007	Quản trị vận tải đa phương thức	2 (2/0/0)	
3.8	416008	TKMH Quản trị vận tải đa phương thức	1 (0/0/1)	
3.9	416038	Quản trị kho hàng và tồn kho	3 (2/0/0)	
3.10	413015	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3 (3/0/0)	
3.11	414012	Phân tích hoạt động kinh doanh	3 (3/0/0)	
3.12	414024	Quản trị nhân sự	3 (3/0/0)	
3.13	416035	Giao nhận hàng hoá và khai báo hải quan	3 (3/0/0)	
3.14	416037	Quản trị vận hành và sản xuất	2 (2/0/0)	
3.15	416040	Thực tập chuyên môn	2 (0/2/0)	
<i>Kiến thức chuyên ngành mở rộng (tự chọn – chọn 4 học phần bất kỳ): 8 TC</i>				
3.16	412015	Bảo hiểm vận tải	2 (2/0/0)	
3.17	414014	Quản trị rủi ro	2 (2/0/0)	

3.18	416012	Quản trị Marketing	2 (2/0/0)	
3.19	411009	Quản trị chất lượng	2 (2/0/0)	
3.20	416021	Quản trị dự án logistics và chuỗi cung ứng	2 (2/0/0)	
3.21	413030	Nghiệp vụ Ngoại thương	2 (2/0/0)	
3.22	416020	Quản trị chiến lược	2 (2/0/0)	
3.23	414032	Quản lý dự án	2 (2/0/0)	
3.24	416001	Kinh doanh quốc tế	2 (2/0/0)	
3.25	413017	Nghiệp vụ thuế	2 (2/0/0)	
3.26	413009	Thị trường chứng khoán	2 (2/0/0)	
3.27	413008	Thanh toán quốc tế	2 (2/0/0)	

4. Thực tập tốt nghiệp và làm khoá luận: 11 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
4.1	416016	Thực tập tốt nghiệp	3 (0/0/3)	BB
4.2	416018	Luận văn tốt nghiệp	8 (0/0/8)	
SV không làm luận văn tốt nghiệp học thay thế các học phần sau				
<i>Sinh viên không đủ điều kiện làm luận văn tốt nghiệp sẽ học bổ sung 02 học phần tự chọn (4 tín chỉ) thuộc 1 trong 2 nhóm học phần thuộc Kiến thức chuyên sâu và làm chuyên đề tốt nghiệp.</i>				
4.3	416024	Chuyên đề tốt nghiệp	4 (0/0/4)	BB
Nhóm 1: Logistics vận tải				
<i>(Chọn 02 trong số 04 học phần) = 4 TC</i>				
4.4	416026	Logistics vận tải biển	2 (2/0/0)	
4.5	416027	Logistics cảng biển	2 (2/0/0)	
4.6	416028	Logistics hàng không	2 (2/0/0)	
4.7	416025	Giao nhận và vận chuyển hàng nguy hiểm	2 (2/0/0)	
Nhóm 2: Logistics sản xuất				
<i>Chọn 02 trong số 03 học phần) = 4 TC</i>				
4.7	416029	Dịch vụ giá trị gia tăng trong logistics	2 (2/0/0)	
4.8	416030	Quản trị mua hàng	2 (2/0/0)	
4.9	416032	Quản trị trung tâm phân phối	2 (2/0/0)	
4.10	416031	Dịch vụ khách hàng	2 (2/0/0)	

5. Kiến thức bổ trợ: tín chỉ

(không tính điểm tích lũy vào chương trình học)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1		<i>Giáo dục thể chất (theo Quyết định 490/ĐHGTVT-ĐT ngày 06/6/2016)</i>	4	BB

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
5.1	004101	Lý thuyết giáo dục thể chất	1 (0/1/0)	CC
5.2	004105	Điền kinh	1 (0/1/0)	
5.3	004103	Bơi 1 (50 m)	1 (0/1/0)	
5.4	004104	Bơi 2 (200 m)	1 (0/1/0)	
5.5	004106	Bóng chuyền	1 (0/1/0)	
5.6	004107	Bóng đá	1 (0/1/0)	
5.7	004108	Bóng rổ	1 (0/1/0)	
5.8	004109	Bóng bàn	1 (0/1/0)	
5.9	004110	Cờ vua	1 (0/1/0)	
2	<i>Giáo dục Quốc phòng và An ninh (theo Thông tư 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020)</i>		165 tiết	BB
5.5	007201	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	45 tiết	CC
5.6	007202	Công tác quốc phòng và an ninh	30 tiết	
5.7	007203	Quân sự chung	30 tiết	
5.8	007204	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	60 tiết	

IV. KẾ HOẠCH HỌC TẬP

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	HP bắt buộc	HP tự chọn	HP học trước	HP tiên quyết	HP song hành	Tổng số tín chỉ
Học kỳ 1									15
1	001201	Đại số	2	x					
2	001202	Giải tích 1	3	x					
3	006015	Tiếng Anh 5	4	x					
4	414022	Kinh tế vi mô	3	x					
5	412019	Hàng hóa	2	x					
6	022014	Kỹ năng mềm 1	1	x					
Học kỳ 2									16
7	005105	Triết học Mác - Lênin	3	x					
8	005004	Pháp luật đại cương	2	x					
9	414023	Kinh tế vĩ mô	3	x		414022			
10	006016	Tiếng Anh 6	4	x		006015			

11	413005	Nguyên lý kế toán	2	x		414022			
12	411002	Luật kinh tế	2	x		005004 414022			
Học kỳ 3									19
13	005106	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	x		005105			
14	414005	Nguyên lý thống kê	2	x		414023 414022			
15	124012	Tin học cơ bản	2	x					
16	416019	Luật vận tải	3	x		411002			
17	006413	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (QL)	3	x					
18	412018	Địa lý vận tải	2	x		412019			
19	416002	Thương mại điện tử	2	x		411002			
20	001212	Xác suất và thống kê	3	x					
Học kỳ 4									17
21	005107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	x		005106			
22	001211	Toán kinh tế	2	x		001201 001202			
23	414021	Kinh tế vận tải và Logistics	3	x		414005 413005			
24	413004	Tài chính tiền tệ	2	x		414023			
25	412005	Lý thuyết dự báo kinh tế	2	x		001211 001212			
26	416003	Quản trị logistics	3	x		412019 412018			
27	006414	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (QL)	3	x					
Học kỳ 5									16
28	005102	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	x		005107			
29	412032	Tổ chức khai thác ga, cảng	2	x		412019 412018 414021			
30	416038	Quản trị kho hàng và tồn kho	3	x		416003 001212			
31	413015	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	x		414021			
32	412014	Khai thác vận tải	2	x		412019 412018 414021			
<i>Sinh viên chọn 2 trong 6 học phần sau</i>									
33	414014	Quản trị rủi ro	2		x	416003			
34	416021	Quản trị dự án logistics và chuỗi cung ứng	2		x	416005			

35	416020	Quản trị chiến lược	2		x	416003			
36	414032	Quản lý dự án	2		x	416003			
37	416012	Quản trị marketing	2		x	416003			
38	411009	Quản trị chất lượng	2		x	416003			
Học kỳ 6									16
39	005108	Lịch sử Đảng cộng sản VN	2	x		005102			
40	416037	Quản trị vận hành và sản xuất	2	x		416038			
41	416039	Quản trị vận tải đa phương thức	2	x		412032 412014		416008	
42	416008	TKMH Quản trị vận tải đa phương thức	1	x		416039		416039	
43	416035	Giao nhận hàng hóa và khai báo hải quan	3	x		412014			
44	416040	Thực tập chuyên môn	2	x		416039 416003 413015			
<i>Sinh viên chọn 2 trong 5 học phần sau</i>									
45	412015	Bảo hiểm vận tải	2		x	412032 412014			
46	413030	Nghiệp vụ ngoại thương	2		x	414021			
47	416001	Kinh doanh quốc tế	2		x	411002 414023			
48	413017	Nghiệp vụ thuế	2		x				
49	413009	Thị trường chứng khoán	2		x				
50	413008	Thanh toán quốc tế	2		x				
Học kỳ 7									16
51	414024	Quản trị nhân sự	3	x		414021 416003 412032			
52	416013	Hệ thống thông tin logistics	2	x		416037			
53	414040	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	x		413005 414005 414021			
54	416005	Quản trị chuỗi cung ứng	3	x		412005 416037		416006	
55	416006	TKMH Quản trị chuỗi cung ứng	1	x		416005		416005	
56	022015	Kỹ năng mềm 2	1	x					
57	416016	Thực tập tốt nghiệp	3	x		Tất cả			Hè
Học kỳ 8									8
58	416018	Luận văn tốt nghiệp	8	x			Tất cả		

	<i>Sinh viên không làm LVTN học thay thế 4 tín chỉ bắt buộc và 4 tín chỉ tự chọn theo nhóm như sau:</i>					Tất cả		
59	416024	Chuyên đề tốt nghiệp	4	x				
<i>Tự chọn 4 tín chỉ trong số các học phần theo nhóm:</i>								
	Nhóm 1: Logistics vận tải						4	
60	416025	Giao nhận và vận chuyển hàng nguy hiểm	2		x			
61	416026	Logistics vận tải biển	2		x			
62	416027	Logistics cảng biển	2		x			
	416028	Logistics hàng không	2		x			
63	Nhóm 2: Logistics sản xuất						4	
64	416029	Dịch vụ giá trị gia tăng trong logistics	2		x			
65	416030	Quản trị mua hàng	2		x			
66	416031	Dịch vụ khách hàng	2		x			
67	416032	Quản trị trung tâm phân phối	2		x			
Khối lượng kiến thức điều kiện								
I	Giáo dục quốc phòng - An ninh (Sinh viên học theo kế hoạch của nhà trường)							165 tiết
1	007201	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	45 tiết	x				
2	007202	Công tác quốc phòng an ninh	30 tiết	x				
3	007203	Quân sự chung	30 tiết	x				
4	007204	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	60 tiết	x				
II	Giáo dục thể chất (Sinh viên chủ động đăng ký học theo quy định về học GDTC)						4TC	
1	004101	Lý thuyết GDTC	1	x				
2	004105	Điền kinh	1	x				
<i>Sinh viên chọn 2 trong số các học phần sau</i>								
3	004103	Bơi 1 (50m)	1		x			
4	004104	Bơi 2 (200m)	1		x			
5	004106	Bóng chuyền	1		x			
6	004107	Bóng đá	1		x			
7	004108	Bóng rổ	1		x			

8	004109	Bóng bàn	1		x				
9	004110	Cờ vua	1		x				

- Sinh viên nên đăng ký học theo đúng học kỳ
- Trường hợp học vượt, sinh viên chỉ nên đăng ký những học phần mới sau khi đã hoàn thành xong các học phần được bố trí trước nó.

KHOA KINH TẾ VẬN TẢI

(đã ký)

PGS.TS. TRẦN QUANG PHÚ

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(đã ký)

PGS.TS. NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG